TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DSST
Ngày 15-9-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Công Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Lõi và bà Võ Thị Thanh Huệ

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-DS, ngày 29/5/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đ, phường Hg L, Quận Hg M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Doãn Nguyễn Tây X - Chức vụ: Giám đốc, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Chu Văn H, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn Đắk T, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1990 và bà Vũ Thị Ng, sinh năm: 1990; cùng địa chỉ: Thôn Đắk Tiên, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Doãn Nguyễn Tây X trình bày: Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Chu Văn H vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 22-12-2010 ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X có vay vốn tại Ngân hàng theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 với số tiền vay 7.000.000 đồng; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 02-12-2020; định kỳ trả là 12 tháng một lần, số tiền trả tiền gốc mỗi kỳ là 1.400.000đồng; về lãi suất vay trong hạn là 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,325%/tháng, mục đích vay vốn theo chương trình cho vay vốn hộ nghèo làm nhà ở. Tại biên bản thoả thuận thay đổi điều chỉnh chương trình và lãi suấy cho vay ngày 30-10-2014 giữa Ngân hàng với ông Chu Văn H về đổi tên chương trình nguồn vốn cho vay "*cho vay hộ nghèo về nhà ở sang cho vay hộ nghèo*" kể từ ngày 22-12-2010 và điều chỉnh lãi suất cho vay từ "*25%/tháng sang mức lãi suất 0,65%/tháng tính từ ngày vay*". Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay vốn ông Chu Văn H đã trả được 3.000.000đồng ngày 10-12-2020, tiền gốc còn nợ là 4.000.000đồng, tiền lãi suất chưa trả cho Ngân hàng. Hiện ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X nợ tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng.

Lần 2: Ngày 29-3-2018 ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng có vay vốn tại Ngân hàng theo khế ước vay vốn số 660000712395380 với số tiền vay 12.000.000đồng; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 10-3-2022; định kỳ trả gốc là 06 tháng một lần, số tiền trả tiền gốc mỗi kỳ là 1.500.000đồng; về lãi suất vay trong hạn là 9,000%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 11,700%/năm, mục đích vay vốn theo chương trình cho vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay vốn anh Chu Văn H không trả tiền gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng. Hiện ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng nợ tiền gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 5.613.130đồng.

Lần 3: Ngày 10-6-2018 ông Chu Văn H bà Vũ Thị Ng có vay vốn tại Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ theo khế ước vay vốn số 6600000712985472 với số tiền vay 40.000.000đồng; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 10-6-2022; định kỳ trả gốc là 12 tháng một lần, số tiền trả tiền gốc mỗi kỳ là 10.000.000đồng; về lãi suất vay trong hạn là 7,920%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,296%/năm, mục đích vay vốn đầu tư nông nghiệp cho hộ cận nghèo. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay vốn ông Chu Văn H không trả tiền gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng. Hiện ông Chu Văn H bà Vũ Thị Ng nợ tiền gốc là 40.000.000đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 14.914.774đồng.

Đến hiện nay ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X nợ tiền gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 5.923.553đồng. Ông Chu Văn H bà Vũ Thị Ng nợ tiền gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 17.613.130đồng + 54.914.774đồng = 72.527.904 đồng. Để bảo đảm việc thu hồi nợ, nay Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng) và toàn bộ nợ lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010 cho đến khi thanh toán xong.

Buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng) và toàn bộ nợ lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 16-9-

2023 theo khế ước vay vốn số 660000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018 cho đến khi thanh toán xong.

Đối với bị đơn ông Chu Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, bà Vũ Thị Ng: Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà X, bà Ng không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại địa phương được biết ông H và bà X, bà Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đắk T, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, hiện không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X, bà Vũ Thị Ng theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Doãn Nguyễn Tây Xuyên vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Chu Văn H là bị đơn, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Những tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự, thể hiện ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X nợ Ngân hàng tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng) theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010; ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng nợ Ngân hàng tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng) theo khế ước vay vốn số 660000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng không trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng vắng mặt không có lý do. Nghĩa vụ chứng minh, theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Toà án đã niêm yết công khai những văn bản tố tụng của Toà án nhưng vẫn không có mặt để giải quyết vụ án. Như vậy, được xem như họ từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Do đó, Toà án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên toà để giải quyết vụ án theo quy định.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng là có căn cứ. Đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng) và tiền phát sinh tính triếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010 cho đến khi trả hết nợ. Buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng hai khoản vay tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng) và tiền phát sinh tính triếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 660000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: - Về thẩm quyền giải quyết: Ông Chu Văn H là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu trường trú tại thôn Đắk T, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng (tranh chấp hợp đồng dân sự) quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Doãn Nguyễn Tây X vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Chu Văn H là bị đơn, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì được biết ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đắk Tiên, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì trong các giao dịch hợp đồng bằng văn bản (theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010, khế ước vay vốn số 660000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018 có ghi rõ ràng địa chỉ của ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng), theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự

số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*". Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ thì Ngân hàng đã chấp thuận ký món vay số khế ước số 600000640059166 và giải ngân ngày 22-12-2010 cho ông H số tiền 7.000.000 đồng theo chương trình cho vay vốn hộ nghèo làm nhà ở, hạn trả cuối cùng ngày 02-12-2020; Ngày 29-3-2018 Ngân hàng có ký món vay số khế ước số 660000712395380 và giải ngân cho ông H số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình cho vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hạn trả cuối cùng ngày 10-3-2022; Ngày 10-6-2018 Ngân hàng có ký món vay số khế ước số 6600000712985472 và giải ngân cho ông H 40.000.000 đồng theo chương trình cho vay vốn đầu tư nông nghiệp cho hộ cận nghèo, hạn trả cuối cùng ngày 10-6-2022. Xét thấy các hợp đồng tín dụng nêu trên là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, do đó các hợp đồng tín dụng (khế ước) có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Đối với món vay theo số khế ước vay vốn số 600000640059166 ngày 22-12-2010 với số tiền vay 7.000.000đồng, trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay vốn ông Chu Văn H đã trả được 3.000.000đồng ngày 02-12-2020. Hiện ông Chu Văn H nợ tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng). Tại thời điểm vay này bà Nguyễn Thị X là vợ của ông Chu Văn H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ, do đó ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với món vay theo số khế ước số 660000712395380 và giải ngân cho ông H số tiền 12.000.000 đồng tiền gốc và món vay số khế ước số 6600000712985472 và giải ngân cho ông H 40.000.000 đồng tiền gốc. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng vay vốn ông Chu Văn H không trả nợ cho Ngân hàng. Hiện ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng hai khoản vay tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền

gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng). Tại thời điểm vay này bà Vũ Thị Ng là vợ sau của ông Chu Văn H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ và bà Ng có văn bản uỷ quyền cho ông H thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng, do đó ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng đối với hai khoản vay trên.

[3]. Đối với ông Chu Văn H là bị đơn, bà Nguyễn Thị X và bà Vũ Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, được xem là ông H, bà Hoài và bà Ng từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và theo quy định của pháp luật nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng) và tiền phát sinh tính tiếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010 cho đến khi trả hết nợ. Buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng hai khoản vay tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng) và tiền phát sinh tính tiếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 6600000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018 cho đến khi trả hết nợ

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.626.395 đồng (làm tròn là 3.626.000 đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 275, Điều 280 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Chu Văn H.

- Buộc ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 5.923.553đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 1.923.553đồng) và tiền phát sinh tính tiếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 6000006400059166 ngày 22-12-2010 cho đến khi trả hết nợ

- Buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng hai khoản vay tổng số tiền 72.527.904 đồng (trong đó tiền gốc là 52.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 15-9-2023 là 20.527.904đồng) và tiền phát sinh tính tiếp ngày 16-9-2023 theo khế ước vay vốn số 660000712395380 ngày 29-3-2018 và khế ước vay vốn số 6600000712985472 ngày 10-6-2018 cho đến khi trả hết nợ

2. Về án phí**:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị X phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc ông Chu Văn H và bà Vũ Thị Ng phải nộp số tiền 3.626.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đăk S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã Ký)

Đoàn Công Tài